

Bản án số: 24/2024/HS-ST
Ngày 19 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Anh Tuấn;

2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 353/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 532/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2023/HSST-QĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2023/HSST-QĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Trần Thị Kim H, sinh năm 1989 tại tỉnh Tây Ninh; thường trú: 7 đường D, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 181/15/1 khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Tạp vụ; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B (đã chết) và bà Phạm Thị M (đã chết); có chồng tên là Nguyễn Trung K, sinh năm 1985 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/6/2023 đến ngày 30/10/2023 bị bắt tạm giam cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Vũ Đình M1, Luật sư Văn phòng Vũ Minh L thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa cho Trần Thị Kim H, có mặt.

2. Đặng Quốc T, sinh năm 1991 tại tỉnh An Giang; thường trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn

C, sinh năm 1963 và bà Thạch Thị L1, sinh năm 1962; có 02 anh ruột, lớn sinh năm 1982, nhỏ sinh năm 1989; tiền án:

- Ngày 20/8/2010 Tòa án nhân dân quận Thủ Đức (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội Cướp giật tài sản theo Bản án số 180/2010/HSST, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 27/10/2010, đã đóng án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự sơ thẩm nhưng chưa đóng tiền bồi thường cho bị hại.

- Ngày 24/10/2018 Tòa án nhân dân Quận 9 (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo Bản án số 127/2018/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 14/01/2023, đã đóng án phí hình sự sơ thẩm.

Tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 29/06/2023, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 2000; địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Chị Lê Thị Chúc L2, sinh năm 2002; thường trú: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; chỗ ở: Hẻm B, đường V, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1965; thường trú: Xóm A, thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; tạm trú: 76 GS3, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4. Ông Hoàng Văn H1, sinh năm 1970; thường trú: 8.5 khu B, Chung cư T, Đường D, Tổ C, khu phố E, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 76 GS3, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

5. Ông Nguyễn Tuấn K1, sinh năm 1982; địa chỉ: A khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1986; địa chỉ: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

7. Chị Hoàng Bảo A, sinh năm 1993; thường trú: 8.5 khu B, Chung cư T, Đường D, Tổ C, khu phố E, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

8. Ông Trương Nguyễn Hoàng T1, sinh năm 1983; thường trú: 135 đường N, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

9. Bà Hà Thị Thùy C1, sinh năm 1990; thường trú: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định; tạm trú: 2 đường số G, khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

10. Ông Nguyễn Trung K, sinh năm 1985; địa chỉ: 1 khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 02/2023, thông qua người phụ nữ có tên thường gọi là “Chị H2” (không rõ nhân thân, lai lịch), Trần Thị Kim H quen với Đặng Quốc T, Lê Thị Chúc L2 và Nguyễn Thị Huỳnh N. Sau đó, H thỏa thuận với L2, Như về việc H sẽ là người môi giới bán dâm cho L2, Như với số tiền bán dâm mỗi lượt là 600.000 đồng và H sẽ được hưởng số tiền là 300.000 đồng/01 lượt thì L2, N đồng ý. Đối với Đặng Quốc T, H thuê đưa, đón L2, Như đi bán dâm và thỏa thuận mỗi ngày bán dâm xong, L2, N sẽ góp tiền trả cho T 300.000 đồng. Ngoài ra, H còn hỗ trợ chi phí hàng ngày cho L2, N cũng như thêm tiền công cho T, việc hỗ trợ tùy theo số lượt bán dâm nhiều hay ít. Để thuận tiện cho việc thực hiện, T ở cùng với L2, Như tại căn nhà thuê ở đường V thuộc phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Sau đó, H nói L2 và N đến tiệm chụp hình (không rõ địa chỉ) ở Thành phố Hồ Chí Minh chụp hình khỏa thân rồi gửi cho H. H liên hệ các trang Web “gaito.xyz”, “donggai.pro”, “gaugutv.top” đăng bài với nội dung bán dâm kèm theo hình ảnh khỏa thân của L2 và N cùng với số điện thoại H đăng ký trên Web với giá 5.000.000 đồng/tháng bằng hình thức mua thẻ cào điện thoại nhắn tin mã số lên trang Web cho người quản lý (H không nhớ các số điện thoại đã đăng ký do sau khi N và L2 bắt quả tang thì H đã ném bỏ hết). Khách mua dâm sẽ gọi trực tiếp đến số điện thoại của H đăng ký trên Web để thỏa thuận giá cả, địa điểm bán dâm. Sau khi thỏa thuận xong, H báo cho khách biết tên nhà nghỉ, địa chỉ để khách đến lấy phòng. Đồng thời, H sử dụng điện thoại nhãn hiệu Sam Sung đăng nhập mạng xã hội Zalo tên “Cô Ú” đăng ký bằng số 0931.820.856 liên lạc cho L2, Như đến nhà nghỉ mà H đã thỏa thuận với khách mua dâm để L2, Như bán dâm.

Khoảng 13 giờ 50 phút ngày 15/02/2023, khi nhận được điện thoại của khách mua dâm là Nguyễn Văn N1 và Nguyễn Tuấn K1 thì Trần Kim H sử dụng zalo tên “Cô Ú” liên lạc vào zalo tên “Hoa B1 N2” của N đăng ký bằng số điện thoại 0981.158.473 gắn trong điện thoại Iphone 12 promax, màu gold và zalo tên “Tuệ A1” của L2 đăng ký bằng số điện thoại 0584.848.191 gắn trong điện thoại Redmi Note7 màu hồng để L2 và N nói với T sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha màu xanh biển số 59X1 – 540.61, số khung: 1214DY – 502894, số máy: HC12E-5502982, chở L2 và N đi đến nhà nghỉ H4 tọa lạc số G đường G, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương để bán dâm. Đến 14 giờ 15 cùng ngày, Đội Cảnh sát quản lý hành chính Công an thành phố D kiểm tra hành chính nhà nghỉ H4 phát hiện G và L2 đang mua bán dâm tại phòng 201; K1 và N đang mua bán dâm tại phòng số 202 nên lập biên bản phạm tội quả tang và xử lý theo quy định. Tang vật tạm giữ gồm: Số tiền 1.200.000 đồng, 02 bao cao su hiệu Vip Condom đã qua sử dụng; 01 điện thoại Iphone 12 promax, màu gold; 01 điện thoại Redmi Note7 màu hồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha màu xanh, biển số 59X1 – 540.61 và 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo F5 màu xám bạc. Quá trình điều tra, L2, C2, H và T đều xác định H trước ngày bị phát hiện, H đã môi giới được

cho L2 bán dâm 30 lần với tổng số tiền là 18.000.000 đồng và N bán dâm 20 lần với tổng số tiền là 12.000.000 đồng, theo đó L2 hưởng được 9.000.000 đồng, Như hưởng được 6.000.000 đồng, H hưởng được tổng cộng 15.000.000 đồng, còn T thì Như, L2 mới đưa chỉ 300.000 đồng. Tất cả bán dâm đều thực hiện tại nhà nghỉ H4 số G đường G, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương và T đều là người giúp sức H đưa đón L2, Như đi bán dâm. L2, N đưa tiền mô giới cho H bằng hình thức đưa tiền mặt hoặc ra các nơi dịch vụ chuyển khoản nhanh để chuyển vào số tài khoản 20038847 của Trần Thị Kim H tại Ngân hàng Á (A1) và đưa tiền cho T bằng tiền mặt. Đối với bà Nguyễn Thị L3 là nhân viên tiếp tân của nhà nghỉ H4. Khi cho L2, Như thuê phòng, bà L3 không biết L2 và Như bán dâm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hành vi của bà L3.

Đối với chị Hoàng Bảo A là chủ nhà nghỉ H4 và ông Hoàng Văn H1 là quản lý ở nhà nghỉ H4 khi xảy ra sự việc bán dâm thì ông H1, chị Bảo A không có mặt tại nhà nghỉ, không biết sự việc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ xử lý.

Đối với Lê Thị Chúc L2, Nguyễn Thị Huỳnh N có hành vi bán dâm nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương ra quyết định xử phạt hành chính mỗi người với số tiền 400.000 đồng.

Đối với Nguyễn Tuấn K1, Nguyễn Văn N1 có hành vi mua dâm nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương ra quyết định xử phạt hành chính mỗi người với số tiền 1.500.000 đồng.

Đối với đối tượng tên Chị H2, hiện chưa rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Cáo trạng số 365/CT-VKS-DA ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Thị Kim H và Đặng Quốc T về tội Môi giới mại dâm theo điểm d, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh tụng đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị Kim H mức án tù 04 (bốn) năm đến 05 (năm) tù.

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Quốc T mức án tù 04 (bốn) năm đến 05 (năm) tù.

Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Số tiền 1.200.000 đồng là tiền có được do bán dâm và 01 điện thoại Oppo F5 màu xám bạc, kiểu máy CPH1723 gắn sim số 0768.892.380 của Đặng Quốc T sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- 02 (hai) bao cao su nhân hiệu Vip Condom đã qua sử dụng là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội và tang vật của vụ án nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha màu xanh, biển số 59X1 – 540.61, số khung: 1214DY – 502894, số máy: HC12E-5502982 bị cáo T khai xe này là bị cáo mượn của bà Hà Thị Thùy C1. Quá trình điều tra, bà C1 trình bày đây là chiếc xe chồng chị đã chết để lại, không rõ nguồn gốc xe, không cung cấp được Giấy chứng nhận đăng ký xe cùng các giấy tờ có liên quan. Qua xác minh xác định ông Trương Nguyễn Hoàng T1 là chủ sở hữu hợp pháp, ông T1 xác định đã bán cho một người không rõ lai lịch và không làm thủ tục mua bán xe. Cơ quan điều tra đã tiến hành đăng báo thông báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay không ai đến liên hệ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính, đề nghị Hội đồng xét xử buộc Trần Thị Kim H phải nộp lại số tiền bất chính 15.000.000 đồng và buộc Đặng Quốc T phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 300.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Bị cáo Đặng Quốc T không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt và xử lý vật chứng.

- Bị cáo Trần Thị Kim H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến tranh luận gì khác.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Kim H trình bày lời bào chữa: Thống nhất tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo. Bị cáo H có trình độ học vấn 05/12 nên có phần hạn chế về nhận thức, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa nhận thức được hành vi mình thực hiện là tội phạm. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo có tác động gia đình nộp khắc phục hậu quả 15.000.000 đồng, hiện bị cáo là lao động chính, đang nuôi 03 con chưa đến tuổi lao động, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt. Mặt khác, về số lần môi giới các bị cáo và người bán dâm khai cũng chỉ là các bị cáo và người bán dâm nhớ, không có chứng cứ khác nào thể hiện việc này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét giảm nhẹ hình phạt và xét xử cho bị cáo H dưới mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị.

- Bị cáo Trần Thị Kim H thống nhất với ý kiến tranh luận của người bào chữa và không tranh luận gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa ông Hoàng Văn H1 và ông Nguyễn Trung K không tranh luận gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án khác chị Nguyễn Thị Huỳnh N, chị Lê Thị Chúc L2, bà Nguyễn Thị L3, ông Nguyễn Tuấn K1, ông Nguyễn Văn N1, chị Hoàng Bảo A, ông Trương Nguyễn Hoàng T1 và bà Hà Thị Thùy C1 đều vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Mức hình phạt Viện kiểm sát đưa ra là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Trước khi đề nghị mức hình phạt, Viện kiểm sát đã xem xét đầy đủ các tình tiết của vụ án và nhân thân của các bị cáo. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm và không đồng ý với quan điểm của người bào chữa.

- Người bào chữa không tranh luận gì thêm với đại diện Viện kiểm sát và vẫn giữ nguyên quan điểm bào chữa.

- Bị cáo Trần Thị Kim H thống nhất với ý kiến tranh luận của người bào chữa và không tranh luận gì thêm.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, các bị cáo nói lời sau cùng:

- Bị cáo Trần Thị Kim H: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình và chăm sóc con cái.

- Bị cáo Đặng Quốc T: Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình tố tụng, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị L3, chị Hoàng Bảo A, ông Trương Nguyễn Hoàng T1, bà Hà Thị Thùy C1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do, còn chị Nguyễn Thị Huỳnh N, chị Lê Thị Chúc L2, ông Nguyễn Tuấn K1 và ông Nguyễn Văn N1 có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xét, xe mô tô mô tô nhãn hiệu Wave anpha màu xanh, biển số 59X1 – 540.61, số khung: 1214DY – 502894, số máy: HC12E-5502982 do ông Trương Nguyễn Hoàng T1 đứng tên chủ sở hữu. Quá trình tố tụng, bị cáo T xác định mượn xe này của bà Hà Thị Thùy C1, bà C1 xác định chiếc xe do chồng bà đã chết để lại, không rõ nguồn gốc xe, không cung cấp được Giấy chứng nhận đăng ký xe cùng các giấy tờ có liên quan, còn ông T1 xác định đã bán xe này đã cho một người không rõ lai lịch và không làm thủ tục mua bán xe. Hiện

xe đang bị thu giữ, việc giải quyết xe có liên quan đến ông Trương Nguyễn Hoàng T1, bà Hà Thị Thùy C1. Do đó, Hội đồng xét xử xác định ông Trương Nguyễn Hoàng T1 và bà Hà Thị Thùy C1 tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Quá trình tố tụng, ông Nguyễn Trung K là chồng của bị cáo H đã tự nguyện nộp số tiền 18.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo H nên Hội đồng xét xử xác định ông Nguyễn Trung K tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[2] Căn cứ xác định các bị cáo phạm tội: Khoảng 13 giờ 50 phút ngày 15/02/2023, Trần Kim H sử dụng zalo tên “Cô Ú” liên lạc vào zalo tên “Hoa B1 Ngạn” của Nguyễn Thị Huỳnh N và zalo tên “Tuệ An” của Lê Thị Chúc L2 để L2 và N nói với T sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha màu xanh biển số 59X1 – 540.61 chở L2 và N đi đến nhà nghỉ H4 tọa lạc số G đường G, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương để bán dâm. Khi L2, C2 đang thực hiện hành vi bán dâm thì bị Công an kiểm tra hành chính phát hiện bắt giữ.

Quá trình tố tụng, các bị cáo còn khai nhận từ ngày 09/02/2023 đến ngày 15/02/2023, với sự giúp sức của T, H đã mô giới được cho Lê Thị Chúc L2 bán dâm 30 lần và Nguyễn Thị Huỳnh N bán dâm 20 lần.

Như vậy, hành vi của bị cáo H làm trung gian thỏa thuận giá cả, dẫn dắt Lê Thị Chúc L2 và Nguyễn Thị Huỳnh N đi bán dâm cho khách, bị cáo T là người giúp sức bị cáo H thực hiện hành vi mô giới đã đủ yếu tố cấu thành tội “Môi giới mại dâm” với tình tiết định khung “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Đối với 02 người trở lên” theo quy định điểm d, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét, ngày 20/8/2010 bị cáo T bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội Cướp giật tài sản theo Bản án số 180/2010/HSST. Năm 2018 bị cáo T chưa được xóa án tích do chưa đóng tiền bồi thường cho bị hại theo Bản án số 180/2010/HSST mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo Bản án số 127/2018/HS-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân Quận 9 (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 14/01/2023. Do đó, lần phạm tội này của bị cáo T thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự.

Mặc dù các bị cáo cố ý phạm tội “Môi giới mại dâm” từ năm lần trở lên nhưng các bị cáo không lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và không lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính nên không áp dụng tình tiết định khung “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Như vậy, Bản Cáo trạng số 365/CT-VKS-DA ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát thành phố D, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên đối với các bị cáo về tội danh, khung hình phạt là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nhưng về tình tiết định khung đối

với bị cáo T là chưa phù hợp.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Tội phạm do bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến đạo đức, thuần phong mỹ tục và trật tự xã hội. Việc bị cáo H làm trung gian thỏa thuận giá cả, dẫn dắt người khác đi bán dâm, bị cáo T giúp sức bị cáo H thực hiện hành vi mô giới đã gây mất trật tự trị an tại địa phương và bị pháp luật nghiêm cấm, các bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, các bị cáo là người đã thành niên có đầy đủ năng lực, nhận thức, bản thân các bị cáo biết rõ hành vi của mình gây ảnh hưởng xấu đến xã hội. Chỉ vì lười lao động mà các bị cáo đã thực hiện mô giới trung gian, nhằm thu lợi bất chính. Hiện nay, Đảng, Nhà nước và toàn xã hội đang ra sức tuyên truyền cho mọi người hiểu biết và ra sức phòng chống các tệ nạn xã hội, trong đó có hành vi mại dâm và mô giới mại dâm. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét trong quá trình tố tụng các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng đối với bị cáo H đã ra đầu thú và tác động gia đình nộp lại tiền thu lợi bất chính nên bị cáo H còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo H có nhân thân tốt thể hiện ở việc không có tiền án, tiền sự. Hiện bị cáo có 03 người con nhỏ chưa đến tuổi lao động và bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương. Còn bị cáo T có nhân thân xấu, bị cáo đã từng bị xử phạt tù về tội Cướp giật tài sản và Tàng trữ trái phép chất ma túy. Lỗi phạm tội này của bị cáo T thể hiện sự không hướng thiện của bản thân cũng như việc chấp hành pháp luật. Do đó, cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt cho các bị cáo.

[7] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét các bị cáo phạm tội nghiêm trọng, đã xâm phạm đến đạo đức, thuần phong mỹ tục và trật tự xã hội, hành vi phạm tội của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

Vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn do không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể của từng bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội nên không xem là phạm tội có tổ chức. Bị cáo H là người chỉ huy bị cáo T phạm tội, bị cáo T tham gia với vai trò thực hành tích cực và cả hai bị cáo đều phạm tội “Mô giới mại dâm” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị

cáo T, bị cáo H có nhân thân tốt, hiện là lao động chính trong gia đình, bị cáo còn đang nuôi ba người con con nhỏ, việc phạm tội chỉ là nhất thời, còn bị cáo T là người có nhân thân xấu, tham gia vụ án với vai trò thực hiện tích cực nên cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt ngang nhau. Tuy nhiên, bị cáo T còn có tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm theo quy định điểm g khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử quyết định xử mức hình phạt bị cáo T cao hơn bị cáo H.

- Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, hiện nay bị cáo H đang nuôi 03 người con chưa đến tuổi lao động, là lao động chính trong gia đình, bị cáo T không có nghề nghiệp, hình phạt tù có điều kiện cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Số tiền 1.200.000 đồng là tiền có được do bán dâm và 01 điện thoại Oppo F5 màu xám bạc, kiểu máy CPH1723 gắn sim số 0768.892.380 của Đặng Quốc T sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- 02 (hai) bao cao su nhãn hiệu Vip Condom đã qua sử dụng là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội và tang vật của vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha màu xanh, biển số 59X1 – 540.61, số khung: 1214DY – 502894, số máy: HC12E-5502982 bị cáo T khai xe này là bị cáo mượn của bà Hà Thị Thùy C1. Quá trình điều tra, bà C1 trình bày đây là chiếc xe chồng chị đã chết để lại, không rõ nguồn gốc xe, không cung cấp được Giấy chứng nhận đăng ký xe cùng các giấy tờ có liên quan. Qua xác minh xác định ông Trương Nguyễn Hoàng T1 là chủ sở hữu hợp pháp, ông T1 xác định đã bán cho một người không rõ lai lịch và không làm thủ tục mua bán xe. Ông xác định hiện ông không còn quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan và cũng không yêu cầu gì đến chiếc xe này. Đồng thời, Cơ quan điều tra đã tiến hành thông báo tìm chủ sở hữu nhưng không ai đến liên hệ. Do đó, cần tịch thu xe mô tô biển số 59X1 – 540.61 sung Ngân sách nhà nước.

- Đối với 300.000 đồng của bị cáo T có được do mô giới mại dâm nên cần buộc các bị cáo nộp lại để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Bị cáo Trần Thị Kim H thu lợi 15.000.000 đồng, chồng bị cáo là ông Nguyễn Trung K đã thay bị cáo nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An nên cần tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Quá trình tố tụng, ông Nguyễn Trung K chồng của bị cáo Trần Thị Thu H3 không yêu cầu bị cáo H3 trả lại số tiền 15.000.000 đồng mà ông đã khắc phục hậu quả thay cho bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với bà Nguyễn Thị L3 là nhân viên tiếp tân của nhà nghỉ H4. Khi cho L2, Như thuê phòng, bà L3 không biết L2 và Như bán dâm nên Cơ quan Cơ

quan Cảnh sát điều tra không xử lý hành vi của bà L3 là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chị Hoàng Bảo A là chủ nhà nghỉ H4 và ông Hoàng Văn H1 là quản lý ở nhà nghỉ H4 khi xảy ra sự việc bán dâm thì ông H1, chị Bảo A không có mặt tại nhà nghỉ, không biết sự việc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ xử lý là phù hợp.

Đối với Lê Thị Chúc L2, Nguyễn Thị Huỳnh N có hành vi bán dâm và Nguyễn Tuấn K1, Nguyễn Văn N1 có hành vi mua dâm nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương ra quyết định xử phạt hành chính L2, Như với số tiền 400.000 đồng/01 người và K1, N1 với số tiền 1.500.000 đồng/01 người là đúng quy định.

Đối với đối tượng tên Chị H2, hiện chưa rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

[10] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra đối với các bị cáo về các tình tiết giảm nhẹ và xử lý vật chứng là phù hợp nên được chấp nhận.

Đối với quan điểm về tình tiết định khung và tình tiết tăng nặng: Đối với bị cáo H3 là phù hợp nên được chấp nhận, còn đối với bị cáo T là không phù hợp nên không được chấp nhận.

Đối với mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo H3 là có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử quyết định xử mức hình phạt đối với bị cáo H3 thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Còn mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo T là phù hợp nên được chấp nhận.

[11] Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Kim H: Xét, bị cáo H tác động gia đình nộp lại số tiền thu lợi bất chính là thuộc trường hợp quy định khoản 2 Điều 51 BLHS chứ không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS như người bào chữa trình bày. Còn các tình tiết giảm nhẹ khác và mức hình phạt, người bào chữa đề nghị là phù hợp nên được chấp nhận.

[12] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo H, T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Thị Kim H, Đặng Quốc T phạm tội Môi giới mại dâm.

1.1. Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim H 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/10/2023.

1.2. Áp dụng điểm d, đ, g khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51 và

Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đặng Quốc T 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2023.

2. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số 0000930 ngày 05/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng (đã chuyển vào tài khoản số 5591203000014 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Dĩ An ngày 13/10/2023).

Buộc bị cáo Đặng Quốc T nộp lại số tiền 300.000 đồng để sung Ngân sách nhà nước.

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại Oppo F5 màu bạc, kiểu máy CPH1723, gắn sim số 0768.892.380 và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha màu xanh, biển số 59X1 – 540.61, số khung: 1214DY-502894, số máy: HC12E-5502982.

Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/10/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Thị Kim H, Đặng Quốc T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền đến vụ án kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bị cáo (02);
- Người tham gia tố tụng (10);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Công an thành phố Dĩ An (01);
- Trại giam CA tỉnh Bình Dương (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND nơi bị cáo cư trú (02);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**

- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT,HSVA (02).

Nguyễn Thị Ngọc Mai